

HKSSF Inter-School Individual Squash Competition 2024-2025

Division : Girls C Grade

Date : 2024/10/12, 2024/10/13, 2024/10/19, 2024/10/20

Venue : Cornwall St. Squash & Table Tennis Centre, Kowloon Tong
: 九龍塘歌和老街壁球及乒乓球中心

Main Draw (Revised on 5 Oct 2024) (TOP HALF)

Round 1	Round 2	Round 3	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Chung Ka Yau 鍾迦柔 (DGS)(1) --	Chung Ka Yau 鍾迦柔 (DGS)(1) 2024-10-12 / 14:30 / Crt 6 TBC	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 8 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 8 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16 TBC
Hung Wai Tung 洪蔚彤 (ISFA) 2024-10-12 / 11:00 / Crt 11 Wong Hiu Ching 王曉晴 (SPCC)					
Lee Carol Tsak Ying 李澤瑩 (ISFA) --	Lee Carol Tsak Ying 李澤瑩 (ISFA) 2024-10-12 / 14:30 / Crt 11 Man Kiu Yan 文喬嫻 (BBSS) (9/16)	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 9 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 9 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16 TBC
Man Kiu Yan 文喬嫻 (BBSS) (9/16)					
Lau Hiu Wing 劉曉穎 (PLKWC) (9/16) --	Lau Hiu Wing 劉曉穎 (PLKWC) (9/16) 2024-10-12 / 15:00 / Crt 8 Tang Yik Lam Cherise 鄧亦琳 (HYKYL)	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 9 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 9 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16 TBC
Tang Yik Lam Cherise 鄧亦琳 (HYKYL)					
Kwok To Yan 郭桃懸 (LTFC) --	Kwok To Yan 郭桃懸 (LTFC) 2024-10-12 / 15:00 / Crt 9 Po Long Huen Mavis 布朗暄 (HYS) (5/8)	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16 TBC
Po Long Huen Mavis 布朗暄 (HYS) (5/8)					
Tang Ching Sum Sophie 鄧正心 (HKIS) (5/8) --	Tang Ching Sum Sophie 鄧正心 (HKIS) (5/8) 2024-10-12 / 15:00 / Crt 10 Lam Yu Yin Natalia 林予嫻 (ISFA)	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16 TBC
Lam Yu Yin Natalia 林予嫻 (ISFA)					
Pun Zhe Xin Keira 潘哲杞 (GSIS) --	Pun Zhe Xin Keira 潘哲杞 (GSIS) 2024-10-12 / 15:00 / Crt 16 Koon Long Ying 官朗瑩 (STTSS) (9/16)	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16 TBC
Koon Long Ying 官朗瑩 (STTSS) (9/16)					
Li Wenying 李汶穎 (HTC) (9/16) --	Li Wenying 李汶穎 (HTC) (9/16) 2024-10-12 / 15:00 / Crt 15 Manchanda Tashi 萬鳳庭 (GSIS)	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16 TBC
Manchanda Tashi 萬鳳庭 (GSIS)					
Chan Wellesley 陳政妤 (SPCC) --	Chan Wellesley 陳政妤 (SPCC) 2024-10-12 / 15:00 / Crt 14 Cheung Tin Yui 張天睿 (HYS) (3/4)	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16 TBC
Cheung Tin Yui 張天睿 (HYS) (3/4)					

HKSSF Inter-School Individual Squash Competition 2024-2025

Division : Girls C Grade

Date : 2024/10/12, 2024/10/13, 2024/10/19, 2024/10/20

Venue : Cornwall St. Squash & Table Tennis Centre, Kowloon Tong
九龍塘歌和老街壁球及乒乓球中心

Main Draw (BOTTOM HALF)

Round 1	Round 2	Round 3	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Yu Hiu Ching Nicole 余曉晴 (HYS) (3/4) --	Yu Hiu Ching Nicole 余曉晴 (HYS) (3/4) 2024-10-12 / 15:00 / Crt 13	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 15 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 15 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16
Tam Ngo Sum 譚傲心 (HTC)	Tam Ngo Sum 譚傲心 (HTC)				
Wong Ching Ting 王靖婷 (JCTIC) --	Wong Ching Ting 王靖婷 (JCTIC) 2024-10-12 / 15:00 / Crt 12	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 14 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 16 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 15 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16
Wei Mia Lynn 魏家妤 (HKIS) (9/16)	Wei Mia Lynn 魏家妤 (HKIS) (9/16)				
Li Yuen Man 李苑玟 (STGSS) (9/16) --	Li Yuen Man 李苑玟 (STGSS) (9/16) 2024-10-12 / 15:00 / Crt 6	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 14 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 15 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16
Fong Kaitlyn Wan Lum 方蘊霖 (HKIS)	Fong Kaitlyn Wan Lum 方蘊霖 (HKIS)				
Bai Yuet 白月 (HCYMC) --	Bai Yuet 白月 (HCYMC) 2024-10-12 / 15:00 / Crt 11	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 14 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 15 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16
Chiu Hau Ching 趙巧晴 (MCS) (5/8)	Chiu Hau Ching 趙巧晴 (MCS) (5/8)				
Cassidy Makaela 林雨葉 (ISFA) (5/8) --	Cassidy Makaela 林雨葉 (ISFA) (5/8) 2024-10-12 / 15:30 / Crt 8	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 13 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 15 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16
Wong Mia 黃伊呈 (KGV)	Wong Mia 黃伊呈 (KGV)				
Wong Hei Kiu 黃浣喬 (KCC) --	Wong Hei Kiu 黃浣喬 (KCC) 2024-10-12 / 15:30 / Crt 9	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 13 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 15 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16
Chow Yuen Ching 周琬澄 (BTKCHC) (9/16)	Chow Yuen Ching 周琬澄 (BTKCHC) (9/16)				
Lee Hei Yu 李希儒 (YLLSS) (9/16) --	Lee Hei Yu 李希儒 (YLLSS) (9/16) 2024-10-12 / 15:30 / Crt 10	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 12 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 15 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16
Lai Wing Sze 黎穎詩 (HTC)	Lai Wing Sze 黎穎詩 (HTC)				
Li Zoe 李辰伊 (HKIS) --	Li Zoe 李辰伊 (HKIS) 2024-10-12 / 15:30 / Crt 16	TBC 2024-10-13 / 11:30 / Crt 12 TBC	TBC 2024-10-13 / 15:30 / Crt 10 TBC	TBC 2024-10-19 / 09:00 / Crt 15 TBC	TBC 2024-10-19 / 13:00 / Crt 16
Li Ka Man 李嘉雯 (DGS) (2)	Li Ka Man 李嘉雯 (DGS) (2)				